

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/11/2025

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Cẩm Vân

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy và bà Bùi Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 144/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16 /2025/QĐ-ST ngày 05 tháng 11 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng T, sinh ngày 01/11/1989; căn cước công dân số: 030189003527; cấp ngày 15/9/2021; Nơi ĐKKHKT: Thôn Nghi K, xã Tân K, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú : Thôn Tất T, xã Lạc P, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Đàm Văn T, sinh ngày 10/01/1982; Căn cước công dân số: 030082006231; cấp ngày 20/12/2017; Nơi ĐKKHKT: Thôn Nghi K, xã Tân K, thành phố Hải Phòng; hiện đang cư trú tại Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đàm Thị Đoan, sinh năm 1953; Nơi cư trú: Thôn Nghi K, xã Tân K, thành phố Hải Phòng.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh T, bà Đoan)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T trình bày: Chị và anh Đàm Văn T tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ cũ nay là xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng vào ngày 02/11/2008. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc

sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau, không quan T đến nhau. Tháng 08/2019 anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu anh T thỉnh thoảng có liên lạc về cho chị nhưng sau đó anh không liên lạc, anh không có trách nhiệm gì với gia đình. Năm 2021 chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, kể từ đó đến nay, anh chị không còn quan T đến nhau. Hiện nay anh vẫn đang lao động tại Đài Loan, anh thường xuyên liên lạc về cho bà Đàm Thị Đ (là mẹ đẻ của anh) nhưng địa chỉ cụ thể của anh ở đâu chị không biết. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, hôn nhân không còn hạnh phúc, chị làm đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T

Về con chung: Chị và anh T có ba con chung là Đàm Văn A, sinh ngày 09/02/2010; Đàm Thanh N, sinh ngày 03/12/2014 và Đàm Ngọc D, sinh ngày 03/02/2020. Hiện nay cháu An và Nhân đang ở cùng với anh T và bà Đàm Thị Doan, cháu Diễm đang ở với chị T, khi ly hôn chị T đồng ý để cháu An và cháu Nhân cho anh T nuôi dưỡng và đồng ý để bà Đàm Thị Đ là mẹ anh T chăm sóc các cháu trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam. Chị T nuôi dưỡng con Ngọc Diễm. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Đàm Thị Đ là mẹ đẻ anh T xác định: Anh T và chị T kết hôn tự nguyện, trong quá trình sống chung, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2019 anh T đi lao động Đài Loan, chị T ở nhà không chung T với chồng. Năm 2021 chị đã tự ý bỏ hai con lớn và mang theo con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan T đến nhau. Trong thời gian anh T đi lao động tại Đài Loan anh vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình nhưng do anh T đi làm tự do bất hợp pháp nên không có địa chỉ cụ thể. Mọi thông tin về việc chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, bà đã thông báo cho anh T. Sau khi được gia đình thông báo, anh T không có văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên qua liên lạc điện thoại với gia đình, anh T có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con theo yêu cầu của chị T, anh nhất trí ly hôn và đề nghị được nuôi hai con là Đàm Văn A, Đàm Thị Nhân và chị Vũ Thị T nuôi con Đàm Ngọc D và anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về con chung: Anh T, chị T có ba con chung là Đàm Văn A, sinh ngày 09/02/2010; Đàm Thanh N, sinh ngày 03/12/2014 và Đàm Ngọc D, sinh ngày 03/02/2020. Từ năm 2021 đến nay cháu An và cháu Nhân ở với anh T và bà nội (bà Doan). Khi ly hôn anh T có liên lạc về gia đình và trao đổi đề nghị được nuôi cháu An và cháu Nhân, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam, bà Doan đã nhận giúp anh T trong việc chăm sóc

nuôi dưỡng cháu An và cháu Nhân, bà Đoàn không yêu cầu chị T phải có trách nhiệm gì khi bà chăm sóc con chung của anh chị.

Về tài sản chung: Gia đình anh T xác định anh chị không có.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân xã Tân Kỳ thể hiện: Chị T và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Kỳ vào ngày 02/11/2008, sau khi kết hôn anh chị sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2019 anh đi lao động Đài Loan và hiện tại anh chưa về Việt Nam, chị T ở nhà đã không làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ; đã đẻ hai con cho bà Đàm Thị Đ là mẹ đẻ anh T nuôi dưỡng và mang con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Hiện tại anh chị sống ly thân. Do anh chị không sinh hoạt hội đoàn thể nào tại địa phương và không có mặt tại địa phương nên mâu thuẫn vợ chồng anh chị thế nào địa phương không nắm được. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giải quyết việc nuôi con cho đảm bảo cuộc sống của các cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Hồng T được ly hôn anh Đàm Văn T. Về con chung: Giao con chung Đàm Văn A, sinh ngày 09/02/2010; Đàm Thanh N, sinh ngày 03/12/2014 cho anh T nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam tạm giao cháu An và cháu Nhân cho bà Đàm Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Đàm Ngọc D, sinh ngày 03/02/2020 cho chị T nuôi dưỡng. Chị T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T và bị đơn anh Đàm Văn T đều có hộ khẩu thường trú tại xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Theo văn bản trả lời của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng xác định anh Đàm Văn T đã xuất cảnh ngày 29/8/2019, chưa có thông tin nhập cảnh.

Anh Đàm Văn T ủy quyền cho bà Đàm Thị Đ chăm sóc cháu Đàm Văn A và Đàm Thanh N trong thời gian anh không ở Việt Nam và hiện cháu An, cháu Nhân

đang ở cùng với bà Đoan nên Tòa án xác định bà Đoan là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đề nghị gia đình anh T cung cấp địa chỉ của anh T, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình anh T cung cấp, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Bà Đàm Thị Đ là mẹ đẻ anh T đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết và qua điện thoại trực tiếp giữa anh T và bà Đoan tại buổi làm việc với Tòa án. Tòa án cũng đã tiến hành giao, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh T vẫn vắng mặt. Chị T, bà Đoan đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng T và anh Đàm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ cũ nay là xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng vào ngày 02/11/2008 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng, anh chị đã sống ly thân, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Thông qua gia đình, anh T cũng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con theo yêu cầu của chị T. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh T đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân thời gian dài, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình sống chung, anh chị có ba con chung là Đàm Văn A, sinh ngày 09/02/2010; Đàm Thanh N, sinh ngày 03/12/2014 và Đàm Ngọc D, sinh ngày 03/02/2020. Từ khi anh chị sống ly thân năm 2021, cháu An và cháu Nhân được bà Đoan (mẹ anh T) chăm sóc, cháu Diễm do chị T chăm sóc. Để ổn định cuộc sống cho các cháu, khi ly hôn chị T đồng ý để anh T nuôi con An và Nhân, chị T nuôi cháu Diễm. Thông qua gia đình, anh T cũng có quan điểm được nuôi con An và Nhân. Xét thấy, hiện tại anh T đang ở nước ngoài, cháu An và Nhân đang được nội là bà Đàm Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc khác, cháu An, cháu Nhân đều có nguyện vọng được ở với anh T và bà Đoan; bà Đoan cũng đồng ý nuôi con giúp anh T trong thời gian anh không có mặt ở Việt Nam. Do vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu, cần tiếp tục giao cháu An và cháu Nhân cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Diễm cho chị T nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam, bà Đàm Thị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu

An và cháu Nhân. Chị T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.3] Tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228; Điều 271; 273, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Hồng T ly hôn anh Đàm Văn T.

2. *Về con chung:* Giao con Đàm Ngọc D, sinh ngày 03/02/2020 cho chị Nguyễn Hồng T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con Đàm Văn A, sinh ngày 09/02/2010 và Đàm Thanh N, sinh ngày 03/12/2014 cho anh Đàm Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tạm giao cho bà Đàm Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu An và cháu Nhân trong thời gian anh T vắng mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi các con. Chị T, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự Hôn nhân Gia đình sơ thẩm. Đồi trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp, theo biên lai thu số 0002770 của Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Đàm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bà Đàm Thị Đ có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 11 - Hải Phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Phòng THADS Khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Kỳ, TP Hải Phòng; nơi ĐKKH để ghi vào sổ hộ tịch; ĐKKH số 53, quyển số 01 ngày 02/11/2008.
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Cẩm Vân